

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2018/HS-ST**

Ngày: 08-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Đăng Tổ**

Các hội thẩm nhân dân: Bà **Phạm Thị Liễu** và ông **Hà Văn Dương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Trương Hoàng Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Phú Lâm, huyện Tân Phú, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trung C (Tên gọi khác: **T**) - sinh năm 1991, tại Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp 5, xã Phú Đ, huyện P, tỉnh N; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L - sinh năm 1952 và bà Hồ Thị H - sinh năm 1960; bị cáo là con thứ tư trong gia đình có bốn anh chị em, chưa có vợ con; tiền án: Có 01 tiền án, ngày 30/12/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội: “Trộm cắp tài sản”, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 247/2014/HSST, chấp hành xong hình phạt ngày 12/9/2016; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 20 tháng 01 năm 2018 (có mặt).

2. Nguyễn Minh H (Tên gọi khác: **G**) - sinh năm 1992, tại Đồng Nai; nơi cư trú: Ấp 2, xã Phú H, huyện Định Q, tỉnh N; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc M - sinh năm 1967 và bà Lê Minh S - sinh năm 1968; bị cáo là con thứ hai trong gia đình có hai chị em, chưa có vợ con; tiền án: Có 01 tiền án, ngày 30/12/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội: “Cố ý gây thương tích”, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 79/2010/HSST, chấp hành xong hình phạt chính ngày 24/02/2013, chưa chấp hành khoản tiền án phí và tiền bồi thường thiệt hại; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 22 tháng 01 năm 2018 (có mặt).

3. Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: **Bé H**) - sinh năm 1993, tại Đồng Nai; nơi cư trú: Khu 1, thị trấn T, huyện P, tỉnh N; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12;

dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th - sinh năm 1971 và bà Ngô Thị Tú T - sinh năm 1970; bị cáo là con thứ hai trong gia đình có ba anh chị em, chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Có 02 tiền sự, ngày 05/11/2012, bị Ủy ban nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, thời gian 24 tháng kể từ ngày 26/10/2012 tại Quyết định số 8268/QĐ-UBND, chấp hành xong ngày 26/10/2014; ngày 25/01/2016, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện, thời gian 18 tháng tại Quyết định số 38/QĐ-TA, chấp hành xong ngày 06 tháng 5 năm 2017; bị tạm giữ từ ngày 20 tháng 01 năm 2018 (có mặt).

- *Người bị hại:*

Anh **Nguyễn Tiến Đ** - sinh năm 1991; nơi cư trú: Ấp 4, xã Phú Điền, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Anh **Nguyễn Phát Hương Tr** - sinh năm 1997; nơi cư trú: Ấp 4, xã Phú Điền, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trung C và Nguyễn Minh H đều là người nghiện ma túy, thường xuyên sử dụng chất ma túy cùng nhau. Vào buổi chiều ngày 17/01/2018, H điều khiển xe mô tô biển số 51Z6-0758 đến nhà C chơi. Tại đây, C rủ H đi bắt trộm gà tại khu vực cánh đồng thuộc xã Phú Điền, bán lấy tiền mua ma túy sử dụng, H đồng ý. H sử dụng xe mô tô biển số 51Z6-0758 chở C ngồi phía sau, đến khoảng 18 giờ 00 cùng ngày, khi đi qua khu vực cánh đồng Bảy Cà Chón thuộc Ấp 5, xã Phú Điền, huyện Tân Phú, C và H cùng phát hiện thấy 03 (ba) xe mô tô đang dựng trên mặt đê, không có người trông coi, trong đó có xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 60B3-486.73 của anh Nguyễn Tiến Đ. Sau khi lại gần xem xét, thấy có thể phá khóa xe, C kêu H chở lên chợ Phú Hòa mua một điều sắt số 8, sau đó cùng với H về nhà C lấy một đoạn sắt. Tiếp đó, C nói với H: “Mày chở tao quay lại chỗ mấy cái xe”, H đồng ý. Sau đó H tiếp tục chở C quay lại khu vực cánh đồng Bảy Cà Chón. Tại đây, H đứng cách vị trí xe mô tô Yamaha Exciter khoảng 20m, quay đầu xe đứng đợi sẵn, còn C trực tiếp vào vị trí để tài sản, sử dụng đoạn kết hợp với điều sắt số 8 phá khóa xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 60B3-486.73, rồi nổ máy chạy đi, khi đi qua chỗ H đứng đợi, C nói với H chạy theo sau vào cây số 5 rưỡi (đường Tà Lài). C điều khiển xe mô tô đã trộm cắp được đến Ấp 3, xã Phú Lộc, huyện P (nhà anh Nguyễn Hoàng Q), trực tiếp đứng ra bán xe cho Nguyễn Văn T. T mặc dù biết rõ xe mô tô biển số 60B3-486.73 là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua với giá 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thỏa thuận đưa trước 500.000đ, hẹn chiều ngày hôm sau sẽ đưa hết số tiền còn lại. Sau khi nhận số tiền 500.000đ, C và H cùng đi mua ma túy (của một người không rõ họ tên, địa chỉ tại Phương Lâm) về sử dụng. Đến chiều hôm sau, C tiếp tục rủ H đến gặp T lấy số tiền còn lại, sau khi lấy được tiền, cả hai tiếp tục

đi mua ma túy sử dụng và tiêu xài hết số tiền bán xe. T sau khi mua xe mô tô biển số 60B3-486.73, nhằm tránh bị phát hiện đã tháo biển số xe, gắn biển số 60T7-3387 (do T nhặt được) để lưu thông. Trên cơ sở trình báo của người bị hại Nguyễn Tiến Đ, Cơ quan điều tra đã tiến hành các hoạt động điều tra và làm rõ được nội dung vụ án như đã nêu trên.

Tại Kết luận định giá số 06/KL.HĐĐGTS ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh đen, biển số 60B3-486.73, đã qua sử dụng có trị giá: 16.170.000đ (Mười sáu triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 25/CT-VKS-TP ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, truy tố bị các bị cáo Nguyễn Trung C, Nguyễn Minh H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Trung C mức án tù 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù; Nguyễn Minh H mức án tù 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Đề nghị áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án tù 08 đến 10 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho người bị hại, người bị hại không có yêu cầu gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị buộc các bị cáo C, H nộp lại số tiền thu lợi bất chính để sung công quỹ Nhà nước và buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo C và bị cáo T khai nhận hành vi như đã nêu trên, các bị cáo thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, tuy nhiên các bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo vì tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho người bị hại, các bị cáo cam kết sẽ không tái phạm.

Bị cáo H cho rằng bị cáo không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, tuy nhiên bị cáo thừa nhận, bị cáo có sử dụng xe mô tô biển số 51Z6-0758 chở C đi ra cánh đồng Bảy Cà Chón với mục đích ban đầu là tìm kiếm tài sản trộm cắp, bán lấy tiền mua ma túy. Khi H sử dụng xe mô tô chở C quay về chợ Phú Hòa mua điều sất số 8 và chở C về nhà lấy đoạn phá khóa thì bị cáo không biết mục đích của C, nhưng khi C nói với bị cáo: “Mày chở tao quay lại chỗ mấy cái xe” thì bị cáo đã nhận thức được việc C sẽ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, biết hành vi của C sẽ thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng do cần tiền mua ma túy sử dụng nên bị cáo vẫn đồng ý chở C đi; sau khi tiêu thụ được tài sản thì bị cáo cùng với C sử dụng số tiền thu lợi bất chính vào việc mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân.

Người bị hại Nguyễn Tiến Đ vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình điều tra có lời khai, thừa nhận đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh đen, biển số 60B3-486.73, không có yêu cầu gì

khác về dân sự. Đối với trách nhiệm hình sự, người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xử lý nghiêm đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phát Hương Tr thừa nhận, xe mô tô biển số 60B3-486.73 là tài sản thuộc sở hữu của anh, tuy nhiên anh xác định đã bán xe này cho anh Nguyễn Tiến Đ vào năm 2017, do giữa anh và anh Đ là anh em họ nên khi mua bán không làm giấy tờ, hiện chưa làm thủ tục sang tên chủ sở hữu, việc Cơ quan điều tra trao trả xe cho anh Đ là đúng, anh không có ý kiến và yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, người làm chứng anh Trần Ngọc V khai, biển số xe 60T7-3387 là biển số xe của xe mô tô nhãn hiệu Espero, xe do anh mua lại của người khác vào năm 2005, giấy đăng ký xe đứng tên anh, trong một lần anh bị va quệt xe đã làm rơi biển số xe, sau đó không tìm lại được. Anh thừa nhận, quá trình truy tố, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú đã trả lại biển số xe này cho anh, anh không có yêu cầu và ý kiến gì khác.

Các bị cáo C, H, T nói lời sau cùng như sau: Các bị cáo cảm thấy ân hận về hành vi của mình, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, các bị cáo cam kết sẽ không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và khung hình phạt:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trung C thành khẩn khai nhận: Vào khoảng 18 giờ 00, ngày 17/01/2017, bị cáo đã rủ H đi tìm kiếm tài sản để trộm cắp, bán lấy tiền mua ma túy sử dụng, được H đồng ý. H sử dụng xe mô tô biển số 51Z6-0758 chở C đến khu vực cánh đồng Bảy Cà Chón thì phát hiện 03 xe mô tô, không có người trông coi. Lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, bị cáo đã sử dụng điều sất số 8 kết hợp với đoạn phá khóa, lén lút phá khóa điện và chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh đen, biển số 60B3-486.73 của anh Nguyễn Tiến Đ, trị giá tài sản chiếm đoạt được định giá là 16.170.000đ (Mười sáu triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng). Sau khi chiếm đoạt được tài sản, bị cáo cùng

với H bán xe mô tô cho Nguyễn Văn T với giá 1.500.000đ, bị cáo và H đã mua ma túy về sử dụng và tiêu xài cá nhân hết số tiền này. Bị cáo thừa nhận, bị cáo là người rủ rê H, trực tiếp chiếm đoạt tài sản và tìm kiếm người tiêu thụ tài sản. Bị cáo H biết bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp xe nhưng vẫn đồng ý chở bị cáo đi và cùng bị cáo sử dụng số tiền thu lợi bất chính.

Bị cáo T thừa nhận, giữa bị cáo và C, H không hứa hẹn, thỏa thuận trước việc tiêu thụ tài sản do C, H trộm cắp được. Mặc dù, biết rõ xe mô tô biển số 60B3-486.73 là tài sản do C trộm cắp mà có nhưng do ham rẻ và cần có phương tiện đi lại nên bị cáo vẫn đồng ý mua với giá 1.500.000đ.

Lời khai nhận tội của các bị cáo C, T trên đây là phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng, phù hợp với Kết luận định giá, biên bản hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

Bị cáo Nguyễn Minh H cho rằng bị cáo không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như Cáo trạng đã đề cập. Tuy nhiên, bị cáo thừa nhận, bị cáo có sử dụng xe mô tô chở C đi ra cánh đồng Bảy Cà Chón với mục đích ban đầu làm tìm kiếm tài sản để trộm cắp, bán lấy tiền mua ma túy sử dụng, cùng với C phát hiện 03 xe mô tô không có người trông coi, sau khi chở C về chợ Phú Hòa và về nhà để chuẩn bị công cụ, C nói với bị cáo: “Mày chở tao quay lại chỗ mấy cái xe” thì bị cáo đã nhận thức được việc C sẽ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nhưng bị cáo vẫn đồng ý chở C đi, sau khi tiêu thụ được tài sản thì cùng với C sử dụng số tiền thu lợi bất chính vào việc mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Như vậy, mặc dù C không rủ rê, bàn bạc trước với H về việc sẽ đi trộm cắp xe mô tô, nhưng qua diễn biến hành vi của bị cáo đã khẳng định được, bị cáo H đã tiếp nhận đầy đủ ý chí của bị cáo C, cùng giúp sức cho C để thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô của anh Đ.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định, hành vi của các bị cáo C, H, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có trị giá 16.170.000đ, đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Điều 173, khoản 1 quy định:

“...1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 5.000.000đ.....thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T, không hứa hẹn trước với C, H, biết rõ tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn tiêu thụ, đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Điều 323, khoản 1 quy định:

“...1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có thì bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm....”.

Như vậy, Cáo trạng số 25/CT-VKS-TP ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện P, truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như trên là đúng người, đúng tội, không oan sai cho các bị cáo.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có, hành vi của các bị cáo còn gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Việc đưa bị cáo ra xét xử hôm nay là cần thiết, cần có mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo đã thực hiện, cần tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo có thái độ chấp hành nghiêm pháp luật của Nhà nước và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo C, H đều có 01 tiền án, chưa được xóa án tích, nay tiếp tục phạm tội là “tái phạm”, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T có nhân thân xấu, có 02 tiền sự, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

[6] Về căn cứ quyết định hình phạt: Hành vi của các bị cáo C, H thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo C là người khởi xướng, rủ rê bị cáo H, bị cáo cũng là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản, tìm kiếm người tiêu thụ; bị cáo H tham gia với vai trò thứ yếu, giúp sức cho bị cáo C, dùng xe mô tô chở bị cáo C đi tìm kiếm tài sản, chở C đi lấy công cụ, thực hiện vai trò C giới và cùng với C sử dụng số tiền thu lợi bất chính. Do đó, khi phân hóa hình phạt cần áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, quyết định hình phạt đối với bị cáo C cần nghiêm khắc hơn bị cáo H như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp. Hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của bị cáo T, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước đối với tài sản có được từ việc phạm tội, tạo điều kiện, thúc đẩy cho các hành vi chiếm đoạt tài sản nên cũng cần có mức hình phạt tương xứng.

[7] Các biện pháp tư pháp:

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt là 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh đen, biển số 60B3-486.73, đã qua sử dụng, do người bị hại anh Nguyễn Tiến Đ mua lại của anh Nguyễn Phát Hương Tr (chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu). Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trao trả tài sản cho người bị hại, người bị hại không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số tiền 1.500.000đ do các bị cáo C, H thu được từ việc mua bán tài sản do trộm cắp mà có, đây là tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội, do đó cần buộc các bị

cáo phải nộp để sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

[8] Về xử lý vật chứng và các tang, tài vật khác: Xe mô tô nhãn hiệu Wave, loại RSX, gắn biển số 51Z6-0758 là phương tiện phạm tội. Tuy nhiên, quá trình điều tra chưa xác định được chủ sở hữu, thời hạn điều tra, truy tố, xét xử đã hết nên tách ra xử lý sau là phù hợp.

01 (một) cái khóa điều số 8, màu trắng, dài khoảng 10cm; 01 (một) cái đoạn, 01 đầu tròn, 01 đầu dẹp, dài khoảng 06cm, C sử dụng để phá khóa xe mô tô, là công cụ phạm tội. Sau khi thực hiện xong hành vi phạm tội, sợ bị phát hiện nên C đã vứt bỏ trên đường đi tìm người tiêu thụ tài sản, Cơ quan C sát điều tra Công an huyện P đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

Biển số xe mô tô 60T7-3387 do bị cáo T gắn vào xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter nhằm che dấu hành vi phạm tội, quá trình điều tra xác định, chủ sở hữu xe mô tô có biển số 60T7-3387 là anh Trần Ngọc V, anh V xác định biển số xe nói trên anh làm rơi khi va quệt xe với người khác. Quá trình truy tố, Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã trả lại biển số xe cho anh V là phù hợp với điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Trung C, Nguyễn Minh H.

- Khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

- Điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trung C (tên gọi khác: T), Nguyễn Minh H (tên gọi khác: G) phạm tội: “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Bé H) phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

1.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung C **01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù của bị cáo C được tính từ ngày 20 tháng 01 năm 2018.

1.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh H **01 (một) năm tù**. Thời hạn tù của bị cáo H được tính kể từ ngày 22 tháng 01 năm 2018.

1.3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **08 (tám) tháng tù**. Thời hạn tù của bị cáo T được tính kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2018.

2. Buộc các bị cáo Nguyễn Trung C, Nguyễn Minh H phải nộp số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) thu lợi bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước, chia theo phần mỗi bị cáo phải nộp số tiền 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Trung C, Nguyễn Minh H, Nguyễn Văn T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Phát Hương Tr được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại anh Nguyễn Tiến Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú;
- CQCSĐT Công an huyện Tân Phú;
- CQ THA hình sự Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo; người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đăng Tố